

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 3 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp Xóm T, xã Tân Th, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp Xóm T, xã Tân Th, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:**

Anh D và chị C chung sống năm 1997, không C đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị C nên yêu cầu được ly hôn.

Anh và chị C C 03 con chung gồm: Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 12/4/1998, Nguyễn Triệu V sinh ngày 15/9/2006 và Nguyễn Tường V sinh ngày 26/12/2008. Hiện nay Đ và Triệu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối

với Nguyễn Tường V đang sống cùng chị C, anh yêu cầu giao cho chị C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Anh D xác định không C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Nguyễn Ngọc C:* Đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của anh D nhưng không C ý kiến và không tham gia hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh D C đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Ngọc C đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh D và chị C tự nguyện chung sống năm 1997, không C đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa anh D và chị C không được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn giữa anh chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh D và chị C C 03 con chung gồm: Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 12/4/1998, Nguyễn Triệu V sinh ngày 15/9/2006, Nguyễn Tường V sinh ngày 26/12/2008. Đối với Hoàng Đ và Triệu V đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với Tường V C nguyện vọng được sống cùng chị C. Xét nguyện vọng của Triệu V phù hợp với yêu cầu của anh D, chị C không C ý kiến về vấn đề này nên cần chấp nhận yêu cầu của anh D, giao Triệu V cho chị C nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con do anh D không C yêu cầu, chị C không C ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và về nợ: Anh D xác định không C, chị C không C ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Minh D với chị Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/12/2008 cho chị Nguyễn Ngọc C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Tường V đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Nguyễn Minh D C quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002731 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm D (anh D đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự C quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai